

Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 6 năm 2022

Số: 2128/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1435/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

- Bà Trương M, sinh năm 1972.

- Ông Vũ D, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: số xyz Trần Hưng Đạo, tổ 3, khu phố 2, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu ông Vũ D và bà Trương M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994. Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa ông D, bà M phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly hôn vào năm 2017. Sau đó, ông D, bà M về chung sống lại, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông D, bà M là hợp pháp.

Sau khi về sống chung, tình cảm vợ chồng giữa ông D và bà M đã giảm sút đi nhiều. Cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với nhau nên phát

sinh nhiều bất đồng mâu thuẫn. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tuy sống chung nhà nhưng cả hai đều mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Ông D, bà M đã tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ 04 năm nay. Xét tình trạng hôn nhân của ông D, bà M đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông D, bà M yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ K, sinh ngày 07/9/1998 – đã trưởng thành và Vũ A, sinh ngày 25/10/2006. Ông D, bà M thỏa thuận: Giao con chung Vũ A cho ông Vũ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, bà Trương M không cấp dưỡng nuôi con.

Thỏa thuận này của ông D, bà M là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của trẻ A tại Tờ trình bày nguyện vọng ngày 07/6/2022 nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông D, bà M tự khai không có.

[4] Về nợ chung: Ông D, bà M tự khai không có.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ D và bà Trương M thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 120 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/2017 cho ông Vũ Tiến D, bà Trương M không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Vũ A, sinh ngày 25/10/2006 cho ông Vũ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; Bà Trương M không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông D, bà M tự khai không có.

- Về nợ chung: Ông D, bà M tự khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông Vũ D, bà Trương M mỗi người chịu một nửa, được căn trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông D, bà M đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0027300 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D, bà M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND TPHCM
- Chi cục THADS TP Thủ Đức;
- UBND P.Hiệp Phú, TP Thủ Đức.
- VKSND TP Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hời**